

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN BẮC THĂNG LONG
Số: 1196/TM-BVBTL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2025

THƯ MỜI

Về việc cung ứng thuốc, thiết bị y tế phục vụ nhà thuốc bệnh viện

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc

Hiện nay, Bệnh viện đang tiến hành xây dựng danh mục thuốc, thiết bị y tế bán tại Nhà thuốc bệnh viện, tiến tới triển khai lựa chọn thuốc theo quy định tại QT.01.BVBTL.NTBV ban hành theo Quyết định số 565/QĐ-BVBTL ngày 24/10/2025 của Giám đốc Bệnh viện Bắc Thăng Long.

Để đảm bảo tốt nhất cho hoạt động khám chữa bệnh cũng như công tác điều trị theo yêu cầu tại Bệnh viện, Bệnh viện kính mời các đơn vị có đủ năng lực kinh nghiệm cung cấp hồ sơ (theo biểu mẫu đính kèm) để Bệnh viện lựa chọn công ty cung ứng.

Nơi tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận Văn thư - Bệnh viện Bắc Thăng Long

Địa chỉ: Tổ 18, xã Thụ Lâm, Hà Nội.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày 10/11/2025.

Mọi thắc mắc xin liên hệ: DS.Hà (phòng Hành chính);

Điện thoại: 0988.508.947

Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, DUOC

GIÁM ĐỐC



Vũ Thành Chung

Phụ lục 1. Biểu mẫu báo giá của thuốc

STT (theo STT trong danh mục yêu cầu)	Tên thuốc	Tên hoạt chất/ thành phần được liệu	Nồng độ, hàm lượng	GĐKLH hoặc GPNK	Đường dùng	Dạng bào chế	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá trúng thầu *(VND)	Nhóm thuốc	Mã TBMT	Tên CDT	Hình thức LCNT	Ngày đăng tải KQLCNT	Số quyết định	Ngày ban hành quyết định

Phụ lục II: Biểu mẫu báo giá của vật tư y tế

Thông tin báo giá								Căn cứ giá							
Tên vtyt/Tên thương mại	Thông số kỹ thuật	GĐKLH hoặc GPNK	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Đơn giá áp thầu (VND)	Phân loại TBYT	Mã TBMT	Tên CDT	Hình thức LCNT	Ngày đăng tải KQLCNT	Số quyết định	Ngày ban hành quyết định

*Đơn giá trúng thầu: Lấy kết quả trúng thầu trên trang Muasamcong.vn/Lập giá gói thầu

Yêu cầu:

- Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu tại các bệnh viện tuyến tỉnh, thành phố hoặc cơ sở y tế công lập tương đương khác thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc theo Quyết định trúng thầu mua sắm tập trung trong thời gian còn hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng ít nhất là 4 tháng.
Trong trường hợp đơn vị báo giá không phải là nhà thầu trúng thầu theo Quyết định hoặc Hợp đồng đã cung cấp thì phải có giấy Ủy quyền sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên.
- Bản mềm gửi qua địa chỉ email thuhadao.84@gmail.com

PHỤ LỤC V.1

CÔNG TY ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Giám đốc Bệnh viện Bắc Thăng Long

Tên doanh nghiệp:.....

Địa

chỉ:.....

Điện

thoại:.....

Email:.....

..

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Tất cả các hồ sơ mà Công ty gửi đến Bệnh viện là chính xác, đúng với Hồ sơ gốc còn hiệu lực. Nếu các cơ quan thanh tra kiểm tra phát hiện có sự giả mạo trong hồ sơ thì công ty chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bộ hồ sơ bao gồm:

1.1. Hồ sơ pháp lý của công ty:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao công chứng)
2. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược có phạm vi phù hợp với sản phẩm tương ứng (bản sao công chứng)
3. Chứng chỉ hành nghề dược của người phụ trách chuyên môn (bản sao công chứng)
4. Giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc GSP (bản sao công chứng)
5. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc GDP (bản sao công chứng)
6. Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc GMP (bản sao công chứng)
7. Bản cam kết về chất lượng hàng hóa, giá và cung ứng sản phẩm (phụ lục V.2)

1.2. Hồ sơ sản phẩm (sắp xếp theo từng sản phẩm):

1. Biểu mẫu báo giá.
2. Giấy phép lưu hành sản phẩm/ quyết định cấp đăng ký lưu hành/ Công văn duy trì hiệu lực số đăng ký lưu hành. Trong trường hợp Giấy đăng ký lưu hành hết

hiệu lực, đơn vị cung cấp thẻ kho hoặc cam kết số lượng cung ứng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt Nam được Cục Quản lý dược đóng dấu hoặc cam kết của công ty sản xuất hoặc công ty đăng ký về việc Mẫu nhãn và hướng dẫn sử dụng phù hợp với hồ sơ đăng ký thuốc đã nộp lại tại Cục Quản lý Dược.

4. Quyết định trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu tại các bệnh viện tuyến tỉnh, thành phố hoặc cơ sở y tế công lập tương đương khác thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc theo Quyết định trúng thầu mua sắm tập trung trong thời gian còn hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng ít nhất là 4 tháng. Đối với các thuốc hiếm và thuốc mới theo quy định tại khoản 14 và khoản 30 Điều 2 Luật Dược số 105/2016/QH13 chưa có kết quả trúng thầu, cung cấp ít nhất 01 hóa đơn bán hàng tại 01 cơ sở y tế công lập trong vòng 12 tháng. Trong trường hợp đơn vị báo giá không phải là nhà thầu trúng thầu theo Quyết định hoặc Hợp đồng đã cung cấp thì phải có giấy Ủy quyền sử dụng Quyết định hoặc Hợp đồng nêu trên.

5. Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan) đối với thuốc nhập khẩu

6. Phiếu kiểm nghiệm thành phẩm trong vòng 12 tháng

7. 03 hóa đơn bán hàng cho bệnh viện khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

8. Thuyết minh ưu điểm sản phẩm so với các sản phẩm khác trên thị trường: về giá, dạng bào chế...(nếu có)

Các tài liệu do công ty cung cấp phải có dấu xác nhận của công ty, đồng thời chuẩn bị sẵn tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Bệnh viện.

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC V.2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

BẢN CAM KẾT

Tên doanh nghiệp:.....

Địa
chỉ:.....

Điện
thoại:.....

Email:.....

..

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

Chúng tôi xin cam kết tới quý Bệnh viện như sau:

1. CAM KẾT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

- Đảm bảo chất lượng, mẫu nhãn đúng như đã đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

- Đúng với nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá về hãng sản xuất, nước sản xuất.
- Hạn sử dụng còn lại của thuốc đã ký hợp đồng tính từ thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 03 tháng đối với các thuốc có hạn dùng từ 01 năm trở lên, 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm. Trong trường hợp hạn sử dụng còn lại của thuốc ký hợp đồng tính đến thời điểm cung ứng cho cơ sở y tế và không được yêu cầu cao hơn quy định nhưng phải đảm bảo còn hạn sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

- Cam kết thu hồi thuốc vô điều kiện kể cả khi hợp đồng chấm dứt nếu thuốc đã giao không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật như đã báo giá và ký hợp đồng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Bệnh viện và hoàn trả đầy đủ thuốc đảm bảo chất lượng cho Bệnh viện, tương ứng với số lượng thuốc đã thu hồi hoặc mua lại toàn bộ số hàng còn lại theo giá bán ra của nhà thuốc Bệnh viện, đồng thời đền bù mọi chi phí có liên quan.

2. CAM KẾT VỀ GIÁ:

- Chúng tôi cam kết giá của (các) sản phẩm do công ty chúng tôi cung cấp cho nhà thuốc bệnh viện là giá thống nhất trên toàn bộ thị trường và thấp hơn hoặc bằng giá đã công bố /kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Trong trường hợp điều chỉnh giá công bố/kê khai bán buôn xuống thì chúng tôi sẽ điều chỉnh giá bán theo. Nếu chúng tôi không điều chỉnh giá bán xuống thấp hơn hoặc bằng cho Bệnh viện, chúng tôi xin đền toàn bộ phần chênh lệch của giá công bố/kê khai và giá bán cho Bệnh viện tính từ thời điểm điều chỉnh.

3. CAM KẾT VỀ CUNG ỨNG SẢN PHẨM:

- Cung ứng kịp thời, chính xác, đủ số lượng thuốc theo đơn đặt hàng của Nhà thuốc bệnh viện. Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về giao hàng, tiến độ và phạm vi cung cấp nêu trong báo giá.

- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm thu hồi thuốc trong trường hợp hàng đã giao nhưng không đảm bảo chất lượng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền, đồng thời thay thế lô hàng khác cho các đơn vị y tế. Công ty cung cấp đầy đủ phiếu kiểm nghiệm cho từng lô hàng ở mỗi lần nhập.

- Trong suốt quá trình vận chuyển, giao nhận thuốc phải đảm bảo đúng các yêu cầu về điều kiện bảo quản ghi trên nhãn, theo các nguyên tắc GSP, GDP và các quy định về quản lý các thuốc có yêu cầu quản lý đặc biệt.

Cam kết có hiệu lực kể từ ngày ký. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Bệnh viện./.

Đại diện hợp pháp của doanh nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 1: Danh mục thuốc Generic phục vụ hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
1	Acetazolamid	250mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
2	Acetylcystein	200mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 1
3	Acetylcystein	2g/10ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Lọ	Nhóm 4
4	Acetylcysteine	200mg	Viên	Uống	Viên nang	Nhóm 2
5	Acetylucine	500mg	viên	Uống	Viên	Nhóm 1
6	Acetylucine	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
7	Acyclovir	3%/5g	Tra mắt	Thuốc tra mắt	Tub	Nhóm 4
8	Acid Alendronic	70mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
9	Alendronic acid + vitamin d3	70mg + 2800 UI	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
10	Alfuzosin	5mg	Viên	Viên	Viên	Nhóm 2
11	Almagate	1.5g/15ml	Gói	Gói	Gói	Nhóm 2
12	Alpha Chymotrypsin	4,2mg (21 microkatal)	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
13	Alpha tocopheryl acetate; Calcium (dưới dạng Calcium lactate pentahydrate); Colecalciferol (dưới dạng Colecalciferol 1000IU/mg); Dexpanthenol; Lysine hydrochloride; Nicotinamide; Pyridoxine hydrochloride ; Riboflavin sodium phosphate; Thiamine hydrochloride	7,5mg; 65,025mg; 200,025IU; 5,025mg; 150mg; 9,975mg; 3mg; 1,725mg; 1,5mg	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 4
14	Ambroxol hydrochloride	0,3% (30mg/ 10mL)	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 1
15	Amlodipin + indapamid + perindopril	5mg/1.25mg/5mg 5mg; 1,25mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
16	Amlodipin+ lisinopril	5mg+10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
17	Amoxicilin + Acid clavulanic	1000mg + 62,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
18	Amoxicilin (dưới dạng Amoxcilin trihydrat) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
19	Amoxicillin + Acid clavulanic	80mg/ml, 11,4mg/ml; 70ml	Uống	Hạt/cốm/ bột pha uống	Chai/lọ/ ống	Nhóm 1
20	Amoxicillin + Acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
21	Arginine aspartat	5g/10mL	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Ống	Nhóm 1
22	Atorvastatin	10 mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
23	Brimonidin+ timonol	0.2% + 0.5%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1
24	Bacillus subtilis	10 ⁷ -10 ⁸ CFU/g	Uống	Hạt/cốm/ bột pha uống	Gói	Nhóm 4
25	Bacilus Subtilis	> 10 ⁶ CFU	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
26	Betamethason	0.5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
27	Biotin(Vitamin H)	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
28	Bismuth	120mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
29	Các kháng thể gắn với Interferon gama ở người	3mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5
30	Calci (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) + Phospho (dưới dạng Hydroxyapatite microcrystalline) + Vitamin D3 (dưới dạng Dry Vitamin D3 type 100 CWS), +Vitamin K1 (dưới dạng Dry vitamin K1 5% SD)	500mg+55mg+160mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
31	Calci gluconat; Vitamin D3 (Colecalciferol)	500mg + 200IU	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
32	Canxi lactac pentahydrat Thyamine hydroChloride	66,66 mg + 0,2mg	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch / hỗn dịch uống	Ống	Nhóm 4
33	Cao khô lá bạch quả	80mg/10ml	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Ống	Nhóm 4
34	Cao khô lá thường xuân	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
35	Capsaicin	0.05g/100g x 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
36	Cefprozil	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
37	Cefprozil	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
38	Celecoxib	400mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
39	Cetirizin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
40	Ciprofloxacin	3mg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ/ Hộp	Nhóm 1
41	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
42	Citicolin	500mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống g	Nhóm 4
43	Citicolin	1000mg/8ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Ống	Nhóm 4
44	Citicolin (dưới dạng citicolin natri)	1000mg/4ml	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Tiêm/truyền	Ống	Nhóm 2
45	Clarithromycin	125mg/5ml/ Hộp 60ml	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Chai/lọ/ống g/túi	Nhóm 5
46	Clotrimazol	0.01	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 5
47	Colchicin	1mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
48	Cyanocobalamin	1000mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
49	Cholin alfoscerat	400mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
50	Dầu đậu nành; Glycerol; Phospholipid từ trứng	(25g; 6,25g; 1,5g)/250ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống g/túi	Nhóm 1
51	Desloratadin	0.5mg/ml x 60ml	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Chai/ lọ/ống	Nhóm 2
52	Dexlansoprazol	30 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
53	Dexlansoprazol	60 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
54	Diethyl phtalat	65%,8g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Lọ	Nhóm 4
55	Diosmectit	3g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 1
56	Doxycyclin	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
57	Drotaverine	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
58	Đan sâm, huyền sâm, đương quy, viễn chí, toan táo nhân, bá tử nhân, bạch linh, đẳng sâm, cát cánh, ngũ vị tử, mạch môn, chu sa, thiên môn đông, sinh địa	0.07g;0.07g;0.28g;0.07g	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
59	Ebastin	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
60	Entecavir	0,5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
61	Alphachymotrypsin	8400UI	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
62	Etoricoxib	90mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
63	Ethinylestradiol +Desogestrel	Ethinylestradiol 0.03mg +Desogestrel 0.15mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
64	Febuxostat	40mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
65	Febuxostat	80mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
66	Fosfomycin	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
67	Glucosamine; Chondroitin sulfate; Cao đặc thân rễ Gừng; Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá	295mg + 10mg + 40mg + 10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
68	Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Ống	Nhóm 2
69	Hydrocortison	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
70	Hydrocortison	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
71	Indapamide 1,5mg, Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besilate) 5mg	1,5mg; 5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
72	Isotretinoin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
73	Isotretinoin	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
74	Isotretinoin	10mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
75	Isotretinoin	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
76	Ketocnazol	2%,5g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
77	Lansoprazole	30mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
78	Lanzoprazol	30 mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2
79	L-Arginin hydroclorid + Pyridoxin hydroclorid + Thiamin hydroclorid	250mg + 20mg + 100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
80	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
81	Linezolid	600mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
82	Linezolid	600mg/300ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống g/túi	Nhóm 4
83	L-Ornithin - L- aspartat	3g	Uống	Hạt/cốm/bột pha uống	Gói	Nhóm 4
84	L-Ornithin - L- aspartat	500mg	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	Nhóm 4
85	L-Ornithin - L- aspartat	5g	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	Nhóm 4
86	Losartan	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
87	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	64g +5,7g+ 1,680g +1,460g +0,750g	Uống	Hạt/cốm/bột pha uống	Gói	Nhóm 1
88	Macrogol + natri sulfat + natri bicarbonat + natri clorid + kali clorid	64g +5,7g+ 1,680g +1,460g +0,750g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 4
89	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
90	Metformin	500mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
91	Methocarbamol	750mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
92	Methyl pretnisolone	40mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	Nhóm 1
93	Salbutamol	2.5mg/2.5ml	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	ống	Nhóm 4
94	Moxifloxacin (dưới dạng Moxifloxacin hydrochlorid)	400mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
95	Mupirocin	20mg/g; 15g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tub	Nhóm 2
96	Natri clorid; Natri citrat; Kali clorid; Glucose khan	0.52g+0.58g+0.3g+2.7g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	Nhóm 2
97	Natri clorid	0.9%; 500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/lọ	Nhóm 4
98	Nifedipine	20mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
99	Budesonide	500mcg/2ml	Khí dung	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Ống	Nhóm 4
100	Nhôm hydroxyd khô + Magnesi hydroxyd + Oxethazain	582mg+196mg + 20mg	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Gói	Nhóm 4
101	Nhôm hydroxyd khô + Magnesi hydroxyd + Simethicon	400mg+50mg+460mg	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Gói	Nhóm 4
102	Omega-3-acid ethyl esters	1000mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
103	Omeprazol	20mg	Uống	Viên	viên nang	Nhóm 2
104	Oseltamivir*	75mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
105	Paracetamol	150mg	Uống	Hạt/cốm/bột pha uống	Gói	Nhóm 1
106	Paracetamol	150mg	Đặt hậu môn	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	Nhóm 1
107	Paracetamol	250mg	Uống	Hạt/cốm/bột pha uống	Gói	Nhóm 1
108	Paracetamol	300mg	Đặt hậu môn	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	Nhóm 1
109	Paracetamol	80mg	Uống	Hạt/cốm/bột pha uống	Gói	Nhóm 1
110	Paracetamol, caffein	500mg+50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
111	Perindopril arginine, Amlodipine	3.5mg/2.5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
112	Piracetam	4g/20ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống g	Nhóm 2
113	Piracetam	800mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
114	Piracetam	800mg	Uống	Dung dịch/ nhũ dịch/ hỗn dịch uống	Ống	Nhóm 4
115	Piracetam	12g/60ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Chai/lọ/ống g/túi	Nhóm 4
116	Piracetam	2,4g	Uống	Hạt/cốm/bột pha uống	Gói	Nhóm 4
117	Pregabalin	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
118	Pregabalin	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
119	Pregabalin	100mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
120	Progesterone	1.00%	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1
121	Progesterone	200mg	Uống, đặt âm đạo	Viên	Viên	Nhóm 1
122	Risedronat natri	35mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
123	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calcium)	5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
124	Rotundin	60mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
125	Sắt Sulfast + Acid folic	50mg + 0.35mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
126	Sertraline (dưới dạng Sertraline hydrochloride)	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
127	Silymarin	117mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
128	Silymarin	140mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
129	Spiramycin + metronidazol	750.000 IU + 125mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
130	Spiramycin + metronidazol	1.5MIU+250mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
131	Spironolacton	50mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
132	Sulfadiazin bạc	1%, 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 4
133	Sulfadiazin bạc	1%, 20g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1
134	Sulfamethoxazol + Trimethoprim	400mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
135	Sulpirid	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
136	Sultamicin	250mg/5ml chai 40ml	Uống	Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	Nhóm 2
137	Telmisartan + hydrochlorothiazid	40/12.5mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
138	Tenofovir alafenamide (dưới dạng Tenofovir alafenamide fumarate)	25mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
139	Tenofovir disoproxil fumarate	300mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 3
140	Timolol	0.50%	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1
141	Tolperisone	150mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
142	Tolperisone	50mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 1
143	Travopost	40mcg/ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Lọ	Nhóm 1
144	Trimetazidin	80mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	Nhóm 1
145	Ubidecarenone (Coenzym Q10) 100 mg	100 mg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 5
146	Vitamin A (Retinyl palmitat); Vitamin D2 (Ergocalciferol)	2000IU+400IU	Uống	Viên	Viên	Nhóm 4
147	Vitamin B1 (Thiamin mononitrat) + Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid) + Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	100mg + 50mg + 500mcg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 4
148	Vitamin B1+ B6+ B12	125mg+125mg+125mcg	Uống	Viên	Viên	Nhóm 2
149	Vitamin E, Vitamin C, Beta caroten 30% hỗn dịch, Kẽm oxid, Đồng oxid, Selen, Mangan Sulfat	200 IU + 250mg + 10mg + 9,337mg + 1,252mg + 4,613mg	Uống	Viên nang	Viên	Nhóm 2
150	Zoledronic acid	5mg/5ml	Tiêm/truyền	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Ống	Nhóm 4

GIÁM ĐỐC 4


 Vũ Thành Chung

Phụ lục 2: Danh mục thuốc biệt dược gốc phục vụ hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
1	Adalat LA 30mg	Nifedipin	30mg	Uống	Viên	Viên	BDG
2	Amoxia 90mg	Amoxicillin	90mg	Uống	Viên	Viên	BDG
3	Augmentin 1g	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng clavulanat potassium)	875mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	BDG
4	Augmentin 250mg/125mg	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	250mg + 125mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	BDG
5	Augmentin 625mg tablets	Amoxicillin (dưới dạng Amoxicillin trihydrate), Acid Clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	500mg + 125mg	Uống	Viên	Viên	BDG
6	Axams	Fluticasone furate	27,5 mcg	Xịt mũi	Thuốc xịt mũi	Bình	BDG
7	Betaloc Zak 25mg	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol)	Metoprolol succinat (tương đương với 25mg metoprolol tartrat hoặc 19,5mg metoprolol) 23,75mg	Uống	Viên	Viên	BDG
8	Betaloc Zak 50mg	Metoprolol succinat (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol)	Metoprolol succinat (tương đương với 50mg metoprolol tartrate hoặc 39mg metoprolol) 47,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
9	Bilastin	Bilastine	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG
10	Celebrex	Celecoxib	200mg	Uống	Viên	Viên	BDG
11	Concor Cor	Bisoprolol fumarate	2,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
12	Crestor 10mg	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG
13	Crestor 20mg	rosuvastatin	20MG	Uống	Viên	Viên	BDG
14	Daflon 500mg	Phân đoạn Flavonid vi hạt tinh chế	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG
15	Dalacin C	Clindamycin (dưới dạng Clindamycin phosphate)	600mg	Uống	Viên	Viên	BDG
16	Debridat	Trimebutine maleate	100mg	Uống	Viên	Viên	BDG
17	Diamicton MR 60mg	Glizalide	60mg	Uống	Viên	Viên	BDG
18	Duphaston	Dydrogesterone	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG
19	Exforge	Amlodipine (dưới dạng Amlodipine besylate), Valsartan	5mg + 80mg	Uống	Viên	Viên	BDG
20	Exforge HCT 5mg/160mg/12,5mg	Amlodipin besilate), Valsartan, Hydrochlorothiazide	5mg + 160mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
21	Forxiga	Dapagliflozin (dưới dạng Dapagliflozin propanediol monohydrat)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG
22	Glucophage 500mg	Metformin	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG
23	Glucophage 850mg	Metformin	850mg	Uống	Viên	Viên	BDG
24	Glucophage XR 1000mg	Metformin hydrochlorid	1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG
25	Glucovance 500mg/5mg	Metformin hydrochlorid (tương đương với metformin 390 mg), glibenclamid	500mg/5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
26	Janumet 50mg/ 850mg	sitagliptin phosphate monohydrate + metformin hydrochloride	50mg/850mg	Uống	Viên	Viên	BDG
27	Janumet 50mg/1000mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate), Metformin Hydrochloride	50mg, 1000mg	Uống	Viên	Viên	BDG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhóm thuốc
28	Januvia 50mg	Sitagliptin (dưới dạng Sitagliptin phosphate monohydrate) 50mg	50mg	Uống	Viên	Viên	BDG
29	Ketosteril	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci; L-lysin acetat (tương đương với L-lysin); L-threonin; L-tryptophan; L-histidin; L-tyrosin	Acid (RS)-3-methyl-2-oxovaleric(α-ketoanalogue to DL-isoleucin), muối calci 67,0 mg; Acid 4-methyl-2-oxovaleric (α-ketoanalogue to leucin), muối calci 101,0 mg; Acid 2-oxo-3-phenylpropionic (α-ketoanalogue to phenylalanin), muối calci 68,0 mg; Acid 3-methyl-2-oxobutyric (α-ketoanalogue to valin), muối calci 86,0 mg; Acid (RS)-2-hydroxy-4-methylthio-butyric (α-hydroxyanalogue to DL-methionin), muối calci 59,0 mg; L-lysin acetat 105,0 mg (tương đương với 75 mg L-lysin); L-threonin 53,0 mg; L-tryptophan 23,0 mg; L-histidin 38,0 mg; L-tyrosin 30,0 mg. Tổng lượng nitrơ trong mỗi viên 36mg.	Uống	Viên	Viên	BDG
30	Klacid MR	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG
31	Levothyrox	Levothyroxine natri	50mcg	Uống	Viên	Viên	BDG
32	Lipitor	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin hemicalci 1,5H ₂ O)	10mg	Uống	Viên	Viên	BDG
33	Lipitor	Atorvastatin (dưới dạng Atorvastatin Hemi-calci 1,5H ₂ O)	20mg	Uống	Viên	Viên	BDG
34	Lyrica	Pregabalin	75mg	Uống	Viên	Viên	BDG
35	Meronem	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	1000mg	Tiêm/ Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Bột pha tiêm	Lọ	BDG
36	Meronem	Meropenem (dưới dạng Meropenem trihydrat)	500mg	Tiêm/ Tiêm truyền tĩnh mạch (IV)	Bột pha tiêm	Lọ	BDG
37	Miacalcic	Calcitonin cá hồi tổng hợp	50IU/ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	Ông	BDG
38	Mobic	Meloxicam	7.5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
39	Nebilet	Nebivolol (dưới dạng Nebivolol hydrochloride)	5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
40	Neurontin	Gabapentin	300mg	Uống	Viên	Viên	BDG
41	Nexium	Esomeprazole (dưới dạng Esomeprazole magnesi trihydrate)	10mg	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	Gói	BDG
42	No-Spa forte	Drotaverine hydrochloride	80mg	Uống	Viên	Viên	BDG
43	Oflovid	Ofloxacin	15mg/5ml	Nhỏ mắt	Dung dịch nhỏ mắt	Lọ	BDG
44	Oflovid ophthalmic ointment	Ofloxacin	0,3%	Tra mắt	Thuốc mỡ tra mắt	Tuýp	BDG
45	Procoralan 7.5mg	Ivabradine (dưới dạng Ivabradine hydrochloride 8,085mg) 7,5mg	7,5mg	Uống	Viên	Viên	BDG
46	Pulmicort Respules	Budesonide	500mcg/2ml	Khí dung	Dung dịch/ hỗn dịch khí dung	Ông	BDG
47	Sandostatin	Octreotide	0.1 mg/ml	Tiêm	Thuốc tiêm truyền	Ông	BDG
48	Seretide Evohaler DC 25/125mcg	Salmeterol+ fluticason propionat	25/125	Hít qua đường miệng	Hỗn dịch hít qua đường miệng (dạng phun sương)	Lọ	BDG
49	Seretide Evohaler DC 25/250 mcg	Salmeterol+ fluticason propionat	Salmeterol 25 mcg+ fluticason propionat 250mcg	Hít qua đường miệng	Thuốc phun mù định liều hệ hỗn dịch	Bình	BDG
50	Solu-Medrol	Methyl pretnisolone	40mg	Tiêm/truyền tĩnh mạch, tiêm bắp (IV, IM)	Thuốc tiêm/ thuốc tiêm truyền	Lọ	BDG
51	Tavanic	Levofloxacin	500mg	Uống	Viên	Viên	BDG

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Nhiệm vụ thuốc
52	Tazocin	Piperacillin (dạng dung Piperacillin natri) + Tazobactam (dạng dung Tazobactam natri)	4g, 0.5g	Truyền tĩnh mạch	Hết dùng khi pha tồn	Lọ	BDO
53	Tegretol CR 200	Carbamazepine	200mg	Uống	Viên	Viên	BDO
54	Tegretol	Tegretol	100mg	Truyền tĩnh mạch	Hết dùng khi pha tồn	Lọ	BDO
55	Ventolin inh	Salbutamol	100 mcg	Xịt theo đường mũi	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Hình	BDO
56	Ventolin nebulizer	Salbutamol	5mg	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	Chai	BDO
57	Ventolin Nebulizer	Salbutamol	2.5mg	Dùng cho máy khí dung	Dung dịch khí dung	Chai	BDO
58	Nardio	Rivaroxaban	10mg	Uống	Viên	Viên	BDO
59	Nasral XL 10mg	Alfuzosin	10mg	Uống	Viên	Viên	BDO
60	Nigluo XR	Dapagliflozin (dạng dung Dapagliflozin propanediol monohydrate), Metformin hydrochloride	10mg/1000mg	Uống	Viên	Viên	BDO
61	Zenat tablets 500mg	Cefuroxime (Dạng dung Cefuroxime axetil)	500mg	Uống	Viên	Viên	BDO
62	Zyvox	Lincosid	600mg/300ml	Truyền tĩnh mạch	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Túi	BDO



Phụ lục 3: Danh mục thiết bị y tế phục vụ hoạt động của Nhà thuốc Bệnh viện

STT	Tên VTYT	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Nhóm
1	Gạc vệ sinh mắt	Miếng	Mỗi gạc được tẩm ẩm bởi Chiết xuất trà xanh, lô hội, trà trà, NaCl, NaHCO ₃ , vitamin E, nước muối điện hóa, sodium hyaluronate. Gạc làm bằng Cellulose tự nhiên. Hộp 20 gói, mỗi gói 01 gạc	TBYT
2	Bông tẩm cồn	Cái	Isopropyl Alcohol 70%. Bông thấm nước	TBYT
3	Dai cột sống	Cái	Với hệ thống thanh nẹp hợp kim nhôm định hình được sắp xếp khoa học theo chiều dọc và phần thân được may bằng vải chun đặc biệt có độ bền cao và đàn hồi cao làm cho sản phẩm nhẹ, thoáng khí, đẹp, tạo ra cảm giác yên tâm và thoải mái cho người sử dụng.	TBYT
4	Kẹp cầm máu Hemoclip dùng 1 lần	Cái	Sử dụng can thiệp trong nội soi ống mềm Tương thích kênh làm việc : 2.8mm Đầu kẹp clip bằng chất liệu thép không gỉ Tay cầm bằng nhựa . Đầu giữ clip bằng thép không gỉ . Dùng trong cầm máu dạ dày và đại tràng. Có thể xoay được 360 độ , đóng mở nhiều lần, tay cầm lắp sẵn. Hàm Clip to chắc khỏe, có khả năng định vị cố định vào vị trí dự định trước khi bắn. Độ mở 12 và 15 mm, góc hàm Chiều dài của hemoclip 2350mm. Vô khuẩn , Tiêu chuẩn CE , ISO 13485	TBYT
5	Kim tiêm cầm máu trong nội soi	Cái	Chiều dài làm việc: 230cm. Mũi kim dài 4mm. Đường kính kênh làm việc 2.8mm. Đường kính kim: 23G. Đầu TIP bằng kim loại giúp thao tác an toàn. Vô trùng. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485	TBYT
6	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Cái	Gồm 1 súng (tay quay) và 1 đầu thắt tĩnh mạch thực quản đồng bộ với nhau + Súng thắt làm bằng nhựa + Đầu thắt được thiết kế 6 vòng bằng cao su - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	TBYT
7	Natri clorid	Chai	Natri clorid 0,9% chai 500 ml được chỉ định dùng trong các trường hợp sau: Rửa vết thương hở và kín. Dùng súc miệng để vệ sinh răng, miệng, họng mỗi ngày. Quy cách đóng gói: Chai 500ml	TBYT
8	Test thử thai	Cái	Que thử đựng trong túi giấy bạc với chất hút ẩm Tấm bông để lấy mẫu âm đạo Lọ nhựa chứa dung môi 0.9% NaCl, 0.05% NaN ₃ , 0.01% Triton X100 Ngưỡng cutoff phát hiện PAMG-1 (placental-alpha-microglobulin-1) là 1 ng/ml Đạt tiêu chuẩn ISO, FDA, CE.	TBYT
9	Băng cá nhân	Miếng	Lớp nền : Sợi vải đàn hồi Viscose và polyamide, màu da. Keo Oxide kẽm, - Lớp thấm hút : Sợi Viscose, khả năng thấm hút > 500% - Lớp chống dính : Polyethylene - Kích thước : 20mm x 60mm Tiêu chuẩn CE; ISO	TBYT
10	Gạc mở	Miếng	Gạc lưới Lipido-Colloid, lưới Polyester tẩm khối Lipido-Colloid bao gồm các phần tử hydrocolloid và vaseline kích thước: 10x10cm, mắt lưới nhỏ 0.5mm2 thay băng không đau, vô khuẩn. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; CE	TBYT



Vũ Thành Chung